

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 40

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN X20



Chu Văn Đệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 2708.01 - 25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.001.365.762	308.252.024.934
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	97.260.618.831	190.950.080.012
1. Tiền	111		86.260.618.831	190.950.080.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.866.538.017	96.251.348.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	24.330.337.418	47.974.950.878
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.999.338.985	47.648.775.118
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	536.861.614	627.622.781
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	76.385.580.777	19.799.690.041
1. Hàng tồn kho	141		76.753.684.519	20.633.757.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(368.103.742)	(834.067.603)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.388.628.137	1.150.906.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	1.409.545.505	1.150.906.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.979.082.632	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.738.647.074	213.345.538.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.700.000.000	19.700.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	19.700.000.000	19.700.000.000
II. Tài sản cố định	220		110.936.940.369	117.193.696.889
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	100.510.143.390	107.319.979.748
- Nguyên giá	222		330.268.407.739	330.203.300.494
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.758.264.349)	(222.883.320.746)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	10.426.796.979	9.873.717.141
- Nguyên giá	228		11.341.160.220	10.695.633.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(914.363.241)	(821.916.579)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		78.240.741	924.692.243
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	78.240.741	924.692.243
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	63.394.835.186	63.394.835.186
1. Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.628.630.778	12.132.314.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	10.628.630.778	12.132.314.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		411.740.012.836	521.597.563.581

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		157.620.507.493	245.230.446.342
I. Nợ ngắn hạn	310		155.785.507.493	240.030.446.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	56.026.416.122	115.115.079.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	28.408.211.987	28.958.971.238
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14.	3.543.349.538	18.224.026.154
4. Phải trả người lao động	314		14.148.366.034	24.695.241.197
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	4.201.090.705	2.478.748.659
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	40.972.221	30.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	19.430.046.127	8.454.911.884
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	22.062.473.193	39.744.382.079
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.924.581.566	2.329.085.336
II. Nợ dài hạn	330		1.835.000.000	5.200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	1.835.000.000	700.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19.	-	4.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.119.505.343	276.367.117.239
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20.	254.119.505.343	276.367.117.239
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.717.374.374	56.635.639.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.902.130.969	47.231.477.314
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.959.029.150	6.959.029.150
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.943.101.819	40.272.448.164
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		411.740.012.836	521.597.563.581


Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	385.605.836.788	460.779.184.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		385.605.836.788	460.779.184.117
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	355.915.420.269	414.935.482.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.690.416.519	45.843.701.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.872.659.849	668.981.963
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	21.704.693	2.159.797.863
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	2.088.686.053	1.166.046.680
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	23.304.569.363	30.342.629.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.148.116.259	12.844.209.013
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.239.524.455	-
12. Chi phí khác	32	VI.6.	281	120.099.887
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.239.524.174	(120.099.887)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.387.640.433	12.724.109.126
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	1.444.538.614	3.245.175.599
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.943.101.819	9.478.933.527

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		7.387.640.433	12.724.109.126
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.886.577.623	10.904.620.291
-	Các khoản dự phòng	03		(18.147.872.747)	(780.479.866)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(43.731.660)	(104.379.448)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.820.178.497)	(435.206.309)
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.500.000.000)	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.237.564.848)	22.308.663.794
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.645.978.805	93.380.299.154
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56.119.926.875)	5.053.614.428
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		(83.885.917.394)	(43.065.692.122)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.245.044.150	540.546.335
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.831.217.213)	(1.583.093.909)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.345.217.485)	(4.267.324.762)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(92.528.820.860)	72.367.012.918
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.783.369.601)	(4.463.157.976)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.358.558	-
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.134.516.922)
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		1.557.593.912	220.517.837
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.207.417.131)	(16.377.157.061)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(930.200)	-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		(93.737.168.191)	55.989.855.857
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		190.950.080.012	31.445.186.704
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.707.010	109.639
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70=50+60+61$)	70	V.01	97.260.618.831	87.435.152.200

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Trần Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Ngô Thị Hoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Châu Văn Đức

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 so Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0100109339 ngày 10/5/2024 về bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày./.

Trụ sở chính của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	TDP An Thái, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 phố Tuệ Tĩnh, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 04, KCN Tây Bắc Ga, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

Danh sách Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội
2. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, Long Biên, TP. Hà Nội
3. Chi nhánh Miền Trung	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4. Trường mầm non X20	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2025 là 668 người (tại ngày 31/12/2024: 664 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

31/2022
CÔNG
H NHIỆM H
TOÁN VÀ C
VIỆT N
HÀ Y - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

07 – 25

Máy móc, thiết bị

05 – 12

Phương tiện vận tải

05 – 10

Thiết bị dụng cụ quản lý

02 – 05

Tài sản cố định khác

02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm và Bản quyền, bằng sáng chế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

18. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và 10% với hoạt động giáo dục.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	86.260.618.831	190.950.080.012
Tiền mặt	4.269.456.749	2.113.318.544
Tiền gửi ngân hàng	81.952.276.442	188.836.761.468
Tiền đang chuyển	38.885.640	-
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	-
Cộng	97.260.618.831	190.950.080.012

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất từ 3,2% - 4,6%/năm, lãi trả cuối kỳ, tự động gia hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (i)	61.735.835.186	-	61.735.835.186	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (ii)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (iii)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (iv)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	-	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-	-
Công ty Cổ phần 199 (v)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-	-
Cộng	63.394.835.186	-	63.394.835.186	-	-

- (i) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là dịch vụ mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (ii) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (iii) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (iv) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- (v) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 30/6/2025, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (*)	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-	100.000.000	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, lãi trả cuối kỳ. Hợp đồng tự động gia hạn.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Kim Ánh	5.658.152.321	-	-	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân Đội	-	-	10.371.135.463	-
Tổng cục thuế	-	-	14.512.798.450	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	-	-	3.821.974.200	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Quân đội	-	-	2.065.546.000	-
Công ty TNHH Poongshin Vina (Thái Bình)	6.813.764.476	-	-	-
Công ty TNHH Youngone Nam Định	2.504.270.916	-	-	-
Các đối tượng khác	9.354.149.705	-	17.203.496.765	-
Cộng	24.330.337.418	-	47.974.950.878	-

- b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	173.900.000	47.052.032.598
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	1.433.330.885	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật/ Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật	1.250.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Thời Trang Haki	1.800.000.000	-
Các đối tượng khác	342.108.100	596.742.520
Cộng	4.999.338.985	47.648.775.118

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu về cho vay

		Đơn vị tính: VND			
		30/6/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Dài hạn				
	Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (1)	19.700.000.000	-	19.700.000.000	-
	Cộng	19.700.000.000	-	19.700.000.000	-

(1) Hợp đồng cho vay số 01/2023/X20-X20TN ngày 15/06/2023 với hạn mức cho vay là 19.700.000.000 đồng. Thời hạn 5 năm, lãi suất 2,5%/ năm, lãi trả cuối kỳ. Phương thức cho vay là cấp vốn từng lần qua tài khoản thanh toán hoặc bù trừ công nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích để bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 30/6/2025, số dư của khoản cho vay là 19.700.000.000 đồng.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Phải thu khác

6. Phải thu khác		Đơn vị tính: VND			
		30/6/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Ngắn hạn				
	Tạm ứng	244.880.000	-	-	-
	Trần Đình Khoa	227.380.000	-	-	-
	Đặng Văn Truyền	17.500.000	-	-	-
	Cầm cố, ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	110.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025

đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Phải thu khác	278.873.521	-	417.080.849	-
Công ty TNHH MTV X20	244.226.027	-	-	-
Thái Nguyên				
Các đối tượng khác	34.647.494	-	417.080.849	-
Dự nợ phải trả khác	3.108.093	-	100.541.932	-
Cộng	536.861.614	-	627.622.781	-

b) *Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.088.453.649	(368.103.742)	11.536.554.482	(834.067.603)
Công cụ, dụng cụ	107.088.636	-	712.045	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.682.171.949	-	4.858.603.428	-
Thành phẩm	13.003.329.225	-	1.142.011.853	-
Hàng hoá	26.872.641.060	-	3.095.875.836	-
Cộng	76.753.684.519	(368.103.742)	20.633.757.644	(834.067.603)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Chi phí sửa chữa lớn</i>	<i>78.240.741</i>	<i>125.175.000</i>
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	-	125.175.000
Cải tạo nhà xưởng sản xuất và các hạng mục phụ trợ	78.240.741	-
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	<i>-</i>	<i>799.517.243</i>
Phần mềm quản lý khách sạn	-	480.917.243
Bản quyền hệ thống phần mềm FPR SPRO	-	318.600.000
Cộng	78.240.741	924.692.243

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>							
Số dư ngày 01/01/2025	230.284.360.754	69.178.349.240	18.596.757.431	7.049.540.942	5.094.292.127	330.203.300.494	
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.955.259.521	-	-	56.176.524	-	3.011.436.045	
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.768.242)	-	-	-	(630.768.242)	
Giảm do tháo dỡ	(2.315.560.558)	-	-	-	-	(2.315.560.558)	
Số dư ngày 30/06/2025	230.924.059.717	68.547.580.998	18.596.757.431	7.105.717.466	5.094.292.127	330.268.407.739	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>							
Số dư ngày 01/01/2025	146.111.069.444	56.079.743.357	11.440.664.842	4.871.550.976	4.380.292.127	222.883.320.746	
Khấu hao trong kỳ	6.420.061.488	2.131.606.528	857.309.554	385.153.391	-	9.794.130.961	
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.768.242)	-	-	-	(630.768.242)	
Giảm do tháo dỡ	(2.288.419.116)	-	-	-	-	(2.288.419.116)	
Số dư ngày 30/06/2025	150.242.711.816	57.580.581.643	12.297.974.396	5.256.704.367	4.380.292.127	229.758.264.349	
<i>Giá trị còn lại</i>							
Tại ngày 01/01/2025	84.173.291.310	13.098.605.883	7.156.092.589	2.177.989.966	714.000.000	107.319.979.748	
Tại ngày 30/06/2025	80.681.347.901	10.966.999.355	6.298.783.035	1.849.013.099	714.000.000	100.510.143.390	

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 98.701.241.841 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 93.346.517.263 đồng)

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	9.504.466.000	1.191.167.720	10.695.633.720
Mua trong kỳ	-	645.526.500	645.526.500
Số dư ngày 30/06/2025	9.504.466.000	1.836.694.220	11.341.160.220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	-	821.916.579	821.916.579
Khấu hao trong kỳ	-	92.446.662	92.446.662
Số dư ngày 30/06/2025	-	914.363.241	914.363.241
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2025	9.504.466.000	369.251.141	9.873.717.141
Tại ngày 30/06/2025	9.504.466.000	922.330.979	10.426.796.979

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 333.367.720 đồng)

11. Chi phí trả trước	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	1.409.545.505	1.150.906.104
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	800.244.119	878.004.506
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	346.023.896	100.978.112
Chi phí trả trước khác	263.277.490	171.923.486
<i>b) Dài hạn</i>	10.628.630.778	12.132.314.329
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	5.080.362.600	6.855.727.199
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	5.548.268.178	5.276.587.130
Cộng	12.038.176.283	13.283.220.433

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	5.383.620.882	5.383.620.882	18.489.327.643	18.489.327.643
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.169.474.040	2.169.474.040	15.493.369.596	15.493.369.596
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.959.468.852	2.959.468.852	3.758.847.717	3.758.847.717

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH XNK SX và TM Pháp Thành	7.536.499.805	7.536.499.805	7.274.048.370	7.274.048.370
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Duy Trang	6.509.175.834	6.509.175.834	7.399.029.612	7.399.029.612
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Minh Tâm	5.049.128.800	5.049.128.800	9.270.801.137	9.270.801.137
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và dệt may Đông Bắc	5.272.499.000	5.272.499.000	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Dệt may Hải Đăng	3.095.820.000	3.095.820.000	-	-
Hợp tác xã Cường Thịnh	2.469.664.080	2.469.664.080	-	-
Công ty TNHH Phong Lan	2.951.238.240	2.951.238.240	7.756.058.988	7.756.058.988
Công ty Cổ phần 199	-	-	12.847.387.801	12.847.387.801
Các đối tượng khác	12.629.826.589	12.629.826.589	32.676.208.931	32.676.208.931
Cộng	56.026.416.122	56.026.416.122	115.115.079.795	115.115.079.795

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	845.637.150	28.339.634.076
Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	15.148.848.825	-
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	4.281.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.143.772.896	-
Bộ tư lệnh Quân chủng Hải Quân	2.044.251.600	-
Các đối tượng khác	1.944.701.516	619.337.162
Cộng	28.408.211.987	28.958.971.238

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp				
Thuế GTGT	12.156.424.928	2.294.331.024	12.587.268.843	1.863.487.109
Thuế xuất, nhập khẩu	-	145.826.861	145.826.861	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.831.217.213	1.444.538.614	5.831.217.213	1.444.538.614
Thuế thu nhập cá nhân	236.384.013	1.048.643.969	1.056.985.621	228.042.361
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	176.000.000	176.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Các loại thuế khác	-	123.111.019	115.829.565	7.281.454
Cộng	18.224.026.154	5.086.624.626	19.767.301.242	3.543.349.538

15. Chi phí phải trả

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	825.000.000	922.000.000
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng	2.367.298.665	-
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	49.957.041	597.913.660
Cộng	4.201.090.705	2.478.748.659

16. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê	22.500.000	30.000.000
Doanh thu bán voucher	18.472.221	-
Cộng	40.972.221	30.000.000

17. Phải trả khác

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	19.430.046.127	8.454.911.884
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.103.379.161	436.865.775
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000	715.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.281.666.966	7.303.046.109
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	17.471.700.000	222.630.200
Trợ cấp thôi việc	24.385.033	49.029.566
Các quỹ khác của Công ty	35.827.000	35.827.000
Phải trả khen thưởng thi đua năm 2024	-	2.111.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	749.754.933	4.884.539.343
b) Dài hạn	1.835.000.000	700.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.835.000.000	700.000.000
Cộng	21.265.046.127	9.154.911.884

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

(*) Công ty đã có thông báo số 926/TB-CTCP ngày 8/8/2025 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: ngày đăng ký cuối cùng là 25/8/2025, thời gian chi trả là 10/9/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025

đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

18. Dự phòng phải trả

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	22.062.473.193	24.593.502.468
Dự phòng quỹ tiền lương	-	15.150.879.611
Cộng	22.062.473.193	39.744.382.079

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu kỳ	4.500.000.000	4.500.000.000
Hoàn nhập	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số cuối kỳ	-	-

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2024	172.500.000.000	20.712.115.419	193.212.115.419
Lãi trong năm trước	-	40.272.448.164	40.272.448.164
Chia cổ tức	-	(10.350.000.000)	(10.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.403.086.269)	(3.403.086.269)
Số dư ngày 31/12/2024	172.500.000.000	47.231.477.314	219.731.477.314
Lãi trong kỳ này	-	5.943.101.819	5.943.101.819
Chia cổ tức (*)	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Trích các quỹ (*)	-	(23.022.448.164)	(23.022.448.164)
Số dư ngày 30/06/2025	172.500.000.000	12.902.130.969	185.402.130.969

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 thì Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 10.940.713.715 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển là 12.081.734.449 đồng và chia cổ tức 10% trên Vốn điều lệ là 17.250.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.250.000.000	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2025
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	12.081.734.449	-	68.717.374.374
Cộng	56.635.639.925	12.081.734.449	-	68.717.374.374

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	56.011,31	67.483,77

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.912.276.971	8.912.276.971
Uniao Suprimentos Militares Ltda Ep	36.058.808	36.058.808
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	997.191.910
CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	1.450.952.832
Công ty Xây dựng 472 - BD12	208.881.400	208.881.400

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	350.668.132.532	445.511.299.982
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.937.704.256	15.267.884.135
Cộng	385.605.836.788	460.779.184.117

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	330.357.816.179	404.528.370.335
Giá vốn cung cấp dịch vụ	26.023.567.951	10.407.112.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(465.963.861)	-
Cộng	355.915.420.269	414.935.482.833

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.801.819.939	435.206.309
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	27.108.250	129.396.206
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	43.731.660	104.379.448
Cộng	1.872.659.849	668.981.963

b) **Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	21.704.693	156.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	2.159.641.863
Cộng	21.704.693	2.159.797.863

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	18.358.558	-
Thu nhập từ nhận hỗ trợ, đền bù	1.215.226.910	-
Thu nhập khác	5.938.987	-
Cộng	1.239.524.455	-

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	-	117.802.973
Chi phí khác	281	2.296.914
Cộng	281	120.099.887

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	4.619.715.328	4.218.486.542
Chi phí nhân viên bán hàng	1.087.924.027	382.179.607
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	864.560.602	1.132.366.245
Chi phí dụng cụ đồ dùng	128.477.444	44.294.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.320.502	189.505.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.132.779	871.726.252
Chi phí bằng tiền khác	1.429.299.974	1.598.414.140
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	29.791.622.144	30.342.629.691
Chi phí nhân viên quản lý	14.487.330.012	11.350.679.680
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	584.359.718	549.498.263
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.981.621.265	1.824.370.820
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.033.612.973	1.889.859.860
Thuế, phí, lệ phí	1.321.638.074	1.184.846.860
Chi phí dự phòng	-	112.318.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.792.785.447	3.577.296.717
Chi phí bằng tiền khác	5.590.274.655	9.853.759.358
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.018.082.056)	(3.052.439.862)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(2.531.029.275)	(3.052.439.862)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	(4.500.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng quỹ lương	(1.987.052.781)	-
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.371.387.690	23.697.191.960
Chi phí nhân công	42.475.286.141	36.972.766.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.886.577.623	10.904.620.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.628.722.651	19.928.983.648
Chi phí bằng tiền khác	11.034.154.856	13.651.521.592
Cộng	123.396.128.961	105.155.084.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.057.745.707	12.435.252.021
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.617.802.965
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	(113.715.583)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	7.057.745.707	15.939.339.403
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	1.411.549.141	3.187.867.880
Hoạt động ưu đãi thuế TNDN		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	329.894.726	288.857.105
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	329.894.726	288.857.105
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi thuế năm hiện hành	32.989.473	28.885.711
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	1.444.538.614	3.216.753.591
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	28.422.008
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.444.538.614	3.245.175.599

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chuyển công nợ phải thu thành phải thu về cho vay	-	1.224.637.766

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Công ty con
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Tổng Cục Hậu cần (nay là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật)	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty XD Trường Sơn	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty Đông Bắc	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV 76	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Cao su 75	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV 43	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty CP Công nghiệp Hậu cần Phía Bắc	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV cơ khí 17	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH MTV Đầu tư & Xây lắp ACC
Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15
Công ty TNHH MTV Điện tử Sao Mai
Nhà máy Z119/Quân chủng Phòng không-Không quân
Xí nghiệp in - Nhà máy Z176
Công ty Cổ phần 199
Ông Chu Văn Đệ
Ông Hoàng Sỹ Tâm
Ông Hà Chí Khoa

Ông Phạm Văn Đông
Ông Lê Văn Nghĩa
Ông Đỗ Hoàng Sơn

Ông Nguyễn Hữu Tâm

Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Hoàng Văn Linh

Bà Ngô Thị Hoa
Ông Nguyễn Đức Tuấn

Bà Phan Thị Thủy
Ông Nguyễn Văn Vinh

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT
Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025) - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)
Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Thành viên HĐQT độc lập (Bỏ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Thành viên HĐQT độc lập (Bỏ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Kế toán trưởng
Trưởng Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm	269.277.126.290	365.935.000.191
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	35.213.739	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	701.344.992	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	254.988.759.670	362.001.220.477
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	2.141.863.889	1.304.973.954
Công ty Cổ phần 26	-	2.628.805.760
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	2.561.301.400	-
Công ty CP Công nghiệp Hậu cần Phía Bắc	5.423.484.651	-
Công ty TNHH MTV 43	250.639.894	-
Công ty TNHH MTV 76	270.597.399	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	214.324.719	-
Công ty TNHH MTV cơ khí 17	161.383.626	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025

đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH MTV Đầu tư & Xây lắp ACC	111.019.866	-
Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15	293.976.000	-
Công ty TNHH MTV Điện tử Sao Mai	620.005.012	-
Nhà máy Z119/Quân chủng Phòng không-Không quân	734.181.916	-
Tổng công ty Trục Thăng Việt Nam	133.293.004	-
Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC	367.696.047	-
Tổng công ty XD Trường Sơn	84.489.869	-
Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	167.692.945	-
Xí nghiệp in - Nhà máy Z176	15.857.652	-
Doanh thu bán và cho thuê tài sản, mặt bằng	8.542.136.668	9.586.804.704
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.231.686.872	1.285.686.872
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	4.630.107.642	5.642.227.970
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.413.230.836	1.413.230.836
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.267.111.318	1.267.111.318
Công ty Cổ phần 199	-	(21.452.292)
Mua hàng	256.427.652.849	315.456.818.554
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	5.374.110.458	3.446.743.374
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	224.763.318.242	267.158.069.469
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	6.192.911.768	12.342.978.888
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	12.791.545.052	12.645.021.308
Công ty Cổ phần 199	-	17.865.874.000
Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam	-	284.855.584
Tổng Công ty Đông Bắc	-	95.351.852
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	368.713.708	427.037.495
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	859.036.500	906.031.000
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	309.701.677	284.855.584
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.755.301.297	-
Công ty Cổ phần 26	13.014.147	-
Lãi cho vay	244.226.027	214.688.472
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	244.226.027	214.688.472
Cho vay	-	13.359.154.688
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	13.359.154.688
Cổ tức phải trả	12.371.190.000	-
Bộ Quốc Phòng	12.371.190.000	-
c) Số dư với các bên liên quan	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	2.036.328.611	4.164.366.564
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	757.452.591	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	1.189.488.614	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	259.639.000
Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam	89.387.406	41.680.244
Tổng Công ty Đông Bắc	-	41.073.120
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	-	3.821.974.200
Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	181.108.382	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	162.279.155	-
Công ty CP Công nghiệp Hậu cần Phía Bắc	1.003.130.000	-
Công ty TNHH MTV cơ khí 17	174.294.315	-
Công ty TNHH MTV Điện tử Sao Mai	30.369.000	-
Nhà máy Z119/Quân chủng Phòng không-Không quân	792.602.288	-
Người mua trả tiền trước	1.696.237.150	28.476.408.390
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	845.637.150	28.339.634.076
Công ty TNHH MTV Cao su 75	-	69.191.542
Công ty TNHH MTV 43	-	31.490.126
Tổng công ty XD Trường Sơn	-	36.092.646
Công ty Cổ phần 26	850.600.000	-
Phải thu về cho vay	19.700.000.000	19.700.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	19.700.000.000	19.700.000.000
Phải thu khác	244.226.027	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	244.226.027	-
Phải trả người bán	10.826.460.612	51.555.563.221
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	5.383.620.882	18.489.327.643
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.169.474.040	15.493.369.596
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.959.468.852	3.758.847.717
Công ty Cổ phần 199	-	12.847.387.801
Công ty Cổ phần 22	-	260.780.000
Công ty Cổ phần 26	109.185.045	293.153.815
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	49.730.000	176.544.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	71.086.680	152.257.536
Công ty TNHH MTV 76	83.895.113	83.895.113
Trả trước cho người bán	1.423.900.000	47.052.032.598
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	173.900.000	47.052.032.598
Cục Hậu cần - Kỹ thuật/ Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật	1.250.000.000	-
Phải trả khác	12.371.190.000	900.000.000
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	500.000.000
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	200.000.000
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	200.000.000
Bộ Quốc Phòng	12.371.190.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.757.974.666	975.696.268
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	7.200.000	28.800.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	75.200.000	171.978.043
Cộng	1.840.374.666	1.176.474.311

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	409.419.067	234.113.430
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	378.097.833	218.478.071
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025) - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)	91.520.598	181.662.690
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	297.900.857	176.246.179
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	298.836.444	165.195.898
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng	282.199.867	-
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	2.400.000	-
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	4.800.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	14.400.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	14.400.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (không chuyên trách)	39.200.000	-
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách) (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	152.778.043
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	26.400.000	9.600.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	9.600.000	9.600.000
Cộng		1.840.374.666	1.176.474.311

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

